TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG PHÚ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2017/QĐST - DS	*Đồng Phú, ngày 31 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Nho H, sinh năm 1969
Bà Mai Thị H, sinh năm 1970
Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 5, phường Đ, thị xã X, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978
Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984
Cùng nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về khoản nợ*: Đồng nguyên đơn ông Đinh Nho H, bà Mai Thị H thống nhất thỏa thuận đồng bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T còn nợ số tiền đã vay là 660.000.000 đồng và tiền đặt cọc đất là 255.000.000 đồng, tiền phạt cọc là 70.000.000 đồng. Tổng số tiền anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T còn nợ ông Đinh Nho H, bà Mai Thị H số tiền 985.000.000 đồng (*Chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*) .

- *Về thời gian và phương thức trả nợ*: Đồng nguyên đơn ông Đinh Nho H, bà Mai Thị H và đồng bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận đồng bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T sẽ hoàn trả cho đồng

nguyên đơn ông Đinh Nho H, bà Mai Thị H số tiền 985.000.000 đồng nói trên làm 03 lần cụ thể:

Lần 1 vào ngày 19/6/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 2 vào ngày 19/7/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 3 vào ngày 19/8/2018 trả số tiền 965.000.000 đồng.

Trường hợp đồng bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì đồng nguyên đơn ông Đinh Nho H, bà Mai Thị H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án buộc đồng bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T phải trả hết 01 lần toàn bộ số tiền còn thiếu.

- *Về các vấn đề khác*: Các bên đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Là 20.775.000 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), đồng nguyên đơn ông Đinh Nho H, bà Mai Thị H và đồng bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận đồng bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T chịu. Hoàn lại cho nguyên đơn Mai Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.725.000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0024663, quyển số 000494 ngày 04/5/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nguyên Hoàng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).